

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST

Ngày 14/4/2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tài Văn Trung và bà Bùi Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Hạ - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Lê Đình Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 159/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ksor N; địa chỉ: Làng D, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Rơ Lan B; địa chỉ: Làng M, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Ksor N và ông Rơ Lan B tự nguyện kết hôn vào năm 2002, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Sau đó, bà Ksor N và ông Rơ Lan B chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hằng ngày ông Rơ Lan B không chịu lao động, làm mà thường xuyên đi uống rượu, lúc say đã đánh và chửi mắng bà Ksor N.

Khoảng năm 2013- 2014, bà Ksor N không nhớ chính xác thời gian cụ thể, bà Ksor N và ông Rơ Lan B đã không còn chung sống cùng nhau và đã giải quyết ly hôn theo phong tục của người Jrai. Từ đó cho đến nay, bà Ksor N và ông Rơ Lan B đã có cuộc sống riêng của mỗi người, các bên không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của vợ chồng. Vì cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà Ksor N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Ksor N được ly hôn với ông Rơ Lan B.

- Về con chung: Bà Ksor N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ksor L, sinh ngày 29/9/2008, không yêu cầu ông Rơ Lan B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ksor N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến; không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành pháp luật đúng các quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nên chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Ksor N và ông Rơ Lan B được UBND xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 10/10/2002 theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà Ksor N khởi kiện ly hôn để chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông Rơ Lan B và yêu cầu nuôi con sau khi ly hôn nên quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án là về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại: Làng M, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Ia Grai có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, việc vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu ly hôn:

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn; các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được thể hiện: Vào năm 2002, bà Ksor N và ông Rơ Lan B đã tự nguyện kết hôn, chung sống cùng nhau và có 02 người con. Tuy nhiên, giữa bà Ksor N và ông Rơ Lan B đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Rơ Lan B không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Ông B không chịu lao động, tìm kiếm việc làm để tạo ra thu nhập cho gia đình mà còn thường xuyên uống rượu, về nhà có hành vi đánh đập, chửi mắng bà Ksor N nên dẫn đến mâu thuẫn. Mặc dù bà Ksor N đã khuyên can nhưng ông Rơ Lan B không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Hiện tại bà Ksor N và ông Rơ Lan B không còn chung sống với nhau và các bên đều không mong muốn giải quyết mâu thuẫn để đoàn tụ.

Xét nguyên đơn và bị đơn đều không còn mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân, vì tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Đối với bị đơn đã được Tòa án thông báo yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, tổng đạt các văn bản tố tụng để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt, không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Ksor N về việc ly hôn với ông Rơ Lan B.

[3] Về yêu cầu nuôi con: Bà Ksor N và ông Rơ Lan B đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên sau khi ly hôn là cháu Ksor L. Tuy nhiên, kết quả xác minh thể hiện, ông B thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến đời sống của vợ, con trong gia đình nên mới dẫn đến mâu thuẫn. Việc giao con cho ông B để nuôi dưỡng là không đảm bảo các điều kiện cần thiết cho sự phát triển của cháu L. Hiện tại cháu L đang do bà Ksor N trực tiếp nuôi dưỡng, đảm bảo về điều kiện đời sống, phát triển về tinh thần và thể chất. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Rơ Lan B cũng không phản đối hoặc đưa ra yêu cầu về nuôi con với nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ksor N, giao cháu Ksor L, sinh ngày

29/9/2008 cho bà Ksor N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Bà Ksor N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Bà Ksor N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ksor N.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Ksor N và ông Rơ Lan B.

- Về con chung: Giao cháu Ksor L, sinh ngày 29/9/2008 cho bà Ksor N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Bà Ksor N và ông Rơ Lan B đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với con chung. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Bà Ksor N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009749 ngày 23/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- UBND xã Ia O, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Vũ

